

DANH MỤC MUA SẮM HÓA CHẤT VÀ SINH PHẨM IN VITRO NĂM 2026-2027

(Kèm theo Thư yêu cầu Báo giá số /TM-TTYT ngày 28/7/2026 của Trung tâm Y tế Krông Pa)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa báo giá	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	RIQAS Monthly General Clinical Chemistry Programme (Chương trình Ngoại kiểm Riqas Sinh Hóa)	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng trên 50 thông số sinh hóa thường qui, bộ mỡ, hormones và kim loại vi lượng. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	≥ 6x5ml	Hộp	4	HÓA CHẤT NGOẠI KIỂM DÙNG CHO MÁY SINH HÓA
2	RIQAS Monthly Haematology (Haematology Programme) (Chương trình Ngoại kiểm Riqas Huyết Học)	Chương trình ngoại kiểm Huyết học đáp ứng 11 thông số công thức máu hoặc tương đương, bao gồm cả thông số Plateletcrit (PCT). Chu kỳ 12 tháng.	≥ 3x2ml	Hộp	8	HÓA CHẤT NGOẠI KIỂM DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC
3	RIQAS Urinalysis(Urinalysis Programme) (Chương trình Ngoại kiểm Riqas nước tiểu)	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm tổng phân tích Nước tiểu 3x12ml	≥ 3x12ml	Hộp	2	HÓA CHẤT NGOẠI KIỂM DÙNG CHO MÁY PHÂN TÍCH NƯỚC TIỂU
4	Test nước tiểu 13 thông số	Que thử nước tiểu để đọc bằng mắt hoặc bằng máy Combilyzer 13. Gồm 13 thông số: Urobilinogen, Bilirubin, Ketones, Creatinine, Máu, Protein, Microalbumin, Nitrite, Bạch cầu, Glucose, Trọng lượng riêng / tỷ trọng, pH, Ascobic Acid Que nước tiểu sử dụng cho máy Combilyzer 13	≥ Hộp/ 100 test	Test	1.000	Test nước tiểu 13 thông số dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu COMBINA 13/HUMAN
5	Hóa chất nội kiểm que thử nước tiểu mức 1	Dạng lỏng, thành phần 100% nước tiểu người, độ bền mở nắp 30 ngày ở 2-8oC hoặc 20 lần nhúng. Bảo quản và vận chuyển ở 2-8oC	≥ 12 lọ/ hộp	Hộp	1	Hóa chất nội kiểm nước tiểu mức 01 dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu 13 thông số COMBINIA 13/HUMAN
6	Hóa chất nội kiểm que thử nước tiểu mức 2	Dạng lỏng, thành phần 100% nước tiểu người, độ bền mở nắp 30 ngày ở 2-8oC hoặc 20 lần nhúng. Bảo quản và vận chuyển ở 2-8oC	≥ 12 lọ/ hộp	Hộp	1	Hóa chất nội kiểm nước tiểu mức 02 dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu 13 thông số COMBINIA 13/HUMAN
7	Dung dịch pha loãng trong xét nghiệm huyết học	Thành phần: Sodium sulfate 12.0g/L (12%) ; phosphate buffer (1%); preservative 1.0g/L(1%);water (86%). Hiệu suất : pH=7.0±0.2(25°C±1°C); ρ=18.0±0.5ms/cm(25°C±1°C); Osm=295±10mOsm/Kg; Đếm tiêu cầu : ≤2.5×10 ⁵ /L .	≥ 20L	Thùng	15	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC ZYBIO/Z3 CRP
8	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Sodium formate 2.5g/L(2.5%) , preservative 3.0g/L (3%) , emulsifier 1.0g/L (1%) , alkaline protease 3g/L (3%) , anhydrous sodium sulfate 11.31g/L (11.31%); water (79.19%) Hiệu suất: pH=8.4±0.3	≥ 100ml	Lọ	2	
9	Dung dịch pha loãng trong xét nghiệm huyết học (Dung dịch li giải dùng cho máy huyết học)	Thành phần: Cationic surfactant 40.0 g/L (40%) ; buffer 0.6 g/L(0.6%) ; water (59.4%). Hiệu suất: pH≥9.0	≥ 500ml	Chai	8	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa báo giá	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
10	Dung dịch pha loãng trong xét nghiệm huyết học	- Nguyên lí : thuốc thử xét nghiệm huyết học : là dạng lỏng đẳng trương, có tính dẫn điện dùng để pha loãng mẫu máu phân tích. - Tính năng : dùng để pha loãng mẫu máu. - Thông số kỹ thuật - Độ kiềm Ph : 7.0 +- 0.5 - Độ dẫn điện TDS < 20uS/m - Áp lực thẩm thấu < 300 Osm. - Thành phần nguyên liệu chính - NaCl <0.9% - Na2SO4<1.2% - Na2EDTA (K2EDTA)<5% - H3BO3<3% - Chất đệm<1.1%	≥ Thùng/ 18 Lit	Can	20	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC NIHON KOHDEN/MEK 6510
11	Dung dịch li giải dùng cho máy huyết học	Nguyên lí : thuốc thử xét nghiệm huyết học : là dạng lỏng ưu trương , tác dụng dùng để phá vỡ tế bào hồng cầu giải phóng HGB và đếm tế bào bạch cầu . - Thông số kỹ thuật: - Độ kiềm Ph : 7.0-8.0 - Áp lực thẩm thấu < 1000 Osm. - Thành phần nguyên liệu chính: - Organic quaternary ammonium salt < 5% - Sodium chloride < 3.8g/l - KCN<0.05% - Detergent<5.3%	≥500 ml	Lọ	10	
12	Dung dịch rửa nhẹ dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Nihon Kohden Thông số kỹ thuật: Trạng thái vật lí: chất lỏng; Màu: xanh lá; Mùi: nhẹ; pH : 7,7 -8.3; Tính tan: Tính tan trong nước Thành phần chính: Polyoxyethylene tridecylether: 0.049%; Polyoxyethylene nonylphenyl ether 0,05%, Ethylene glycol monophenyl ether 0,33% Nhiệt độ bảo quản: 1 - 35°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 180 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE	≥ Can 5L	Can	3	
13	Dung dịch rửa mạnh dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học hãng Nihon Kohden: Celltac alpha (MEK 6420,MEK6510),Celltac ES(MEK7300),Celltac G(MEK9100) Series:MEK6420,MEK6510,MEK7300,MEK9100... Trạng thái vật lí: chất lỏng Tính tan: Tan trong nước Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Thông số kỹ thuật: Độ kiềm Ph : 10 - 13.0 Thành phần nguyên liệu chính: Sodium hypoclorit (NaCl) Nhiệt độ bảo quản 1-30°C Độ ổn định sau mở nắp ≥ 90 ngày	≥ Can 5L	Can	3	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa báo giá	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
14	Hematology Control low	CBC-3D là một thuốc thử chẩn đoán bao gồm hồng cầu của người, bạch cầu mô phỏng, tiểu cầu của động vật có vú lơ lửng trong huyết tương như chất lỏng với chất bảo quản. Dùng để nội kiểm cho máy huyết học 3 thành phần mức thấp và mức trung bình Bảo quản ở nhiệt độ 2 - 8 độ C khi không sử dụng. Lọ đã mở chỉ ổn định trong 14 ngày.	≥Lọ/3ml	Bộ	12	Hóa chất nội kiểm 3 mức dùng cho máy huyết học Nihon Kohden Mek 6510 và máy huyết học Zybio Z3/CRP
15	Hematology Control Normal	CBC-3D là một thuốc thử chẩn đoán bao gồm hồng cầu của người, bạch cầu mô phỏng, tiểu cầu của động vật có vú lơ lửng trong huyết tương như chất lỏng với chất bảo quản. Dùng để nội kiểm cho máy huyết học 3 thành phần mức thấp và mức trung bình Bảo quản ở nhiệt độ 2 - 8 độ C khi không sử dụng. Lọ đã mở chỉ ổn định trong 14 ngày.	≥Lọ/3ml	Bộ	12	
16	Hematology Control High	CBC-3D là một thuốc thử chẩn đoán bao gồm hồng cầu của người, bạch cầu mô phỏng, tiểu cầu của động vật có vú lơ lửng trong huyết tương như chất lỏng với chất bảo quản. Dùng để nội kiểm cho máy huyết học 3 thành phần mức thấp và mức trung bình Bảo quản ở nhiệt độ 2 - 8 độ C khi không sử dụng. Lọ đã mở chỉ ổn định trong 14 ngày.	≥Lọ/3ml	Bộ	12	
17	Chất tẩy rửa máy Concentrated system liquid	Dung dịch rửa máy phân tích sinh hóa tự động.	≥ 1000mL	Hộp	2	HÓA CHẤT RỬA DÙNG CHO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG A25 (Biosystems)
18	Chất tẩy rửa máy Concentrated Washing solution	Dung dịch rửa máy phân tích sinh hóa tự động.	≥ 100mL	Hộp	3	HÓA CHẤT RỬA DÙNG CHO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG A25 (Biosystems)
19	Dung dịch Acid rửa máy sinh hoá (Acid Washing Solution)	Dung dịch acid sử dụng để tẩy rửa thiết bị; thành phần dung dịch Nonionic Surfactant, others	≥ Chai 500ml	Chai	2	Dung dịch rửa tính axit dùng cho máy phân tích sinh hóa BIOLIS 30I
20	Dung dịch Alkaline rửa máy sinh hoá(Alkaline Washing Solution)	Dung dịch kiềm sử dụng để tẩy rửa thiết bị; thành phần dung dịch Nonionic Surfactant, others	≥ Chai 500ml	Chai	2	Dung dịch kiềm sử dụng dùng cho máy phân tích sinh hóa BIOLIS 30I
21	Triglycerides	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Triglycerides ; phương pháp đo GK/GPO/POD; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 0.1 - 11.3 mmol/L; Thành phần thuốc thử R1: Ascorbate oxidase (AOD), Glycerol kinase (GK), Lipoprotein lipase (LPL), Peroxidase (POD), Disodium adenosine-5'-triphosphate (ATP-2Na)-N-Ethyl-N-(2-hydroxy-3-sulfo-3-propyl)-Sodium -3-methylaniline (TOOS) R2: Peroxidase (POD), 4-Aminoantipyrine (4-AA), Gluceronol-3-phosphate oxidase (GPO); Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016	≥ Hộp 3x90ml + Hộp 3x30ml	Hộp	6	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DÙNG CHO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG A25 (Biosystems) VÀ MÁY SINH HÓA BIOLIS 30I
22	Gamma GT (GGT)	Hóa chất xét nghiệm Định lượng GGT; phương pháp đo IFCC; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 1~1500 U/L; Thành phần thuốc thử R1: Glycylglycine R2: L-γ-glutamyl -3-carboxy -4-nitroanilide-mono-ammonium; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016	≥ Hộp 3x90ml + Hộp 3x30ml	Hộp	6	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DÙNG CHO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG A25 (Biosystems) VÀ MÁY SINH HÓA BIOLIS 30I

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa báo giá	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
23	CALCIUM	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Calcium; phương pháp Cresolphthalein Complexone (CPC); dải đo 0.10 - 20.0 mg/dL; thành phần thuốc thử REAGENT 1: 2-aminoethanol buffer (MEA) 1.0 mol/L pH >10.0; REAGENT 2:hydrochloric acid 0.12 mol/L pH < 2.5, cresolphthalein complexone 0.3 mmol/L, 8-hydroxy-quinoline > 10 mmol/L	≥ Hộp 3x55ml + Hộp 1x50ml	Hộp	3	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DÙNG CHO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG A25 (Biosystems) VÀ MÁY SINH HÓA BIOLIS 30I
24	Urea	Hóa chất xét nghiệm Định lượng URE (Bun); phương pháp đo Urease/GLDH; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 0.36 - 71.42 mmol/L; Thành phần thuốc thử R1: Glutamate dehydrogenase (GLDH); α-Ketoglutaric acid (α-KG); β-Nicotinamide-adenine dinucleotide phosphate (reduced form) sodium (β-NADPH) R2: Urease; α-Ketoglutaric acid (α-KG); Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016	≥ Hộp 3x90ml + Hộp 3x30ml	Hộp	6	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DÙNG CHO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG A25 (Biosystems) VÀ MÁY SINH HÓA BIOLIS 30I
25	Creatinine	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Creatinine (Enzymatic) với chất hiệu chuẩn; phương pháp đo SOD/POD; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 8.84 - 8840 μmol/L. ; Thành phần thuốc thử R1: Creatinase, Sarcosine oxidase, (SROD)N-ethyl-N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3-methylanilie sodium salt (TOOS) R2: Creatininase (CRN), Peroxidase (POD), 4-Aminoantipyrine (4-AA); Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016	≥ Hộp 3x60ml + Hộp 3x20ml; Mutical: 1x5ml	Hộp	6	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DÙNG CHO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG A25 (Biosystems) VÀ MÁY SINH HÓA BIOLIS 30I
26	Control N (Mức thường)	Huyết thanh mẫu dùng làm nội kiểm chuẩn mức 1 được điều chế từ huyết thanh người ổn định hóa và đông khô. Có giá trị đo cho các xét nghiệm hóa sinh so màu, bộ mỡ(bao gồm HDL/LDL/TG/TC), CK/CKMB; chất vi lượng (Calcium, Sắt, Liti, Magie, Phospho, Na, Kẽm, Clo, Đồng, Kali,..); Bộ gan mật (AST; ALT; LDH; GGT; ALP; Direct Bilirubin; Total Bilirubin); thận (URE; Creatinine); Amylase (Total. Tuy); Total Protein; Albumin; TBA; UIBC và một số theo dõi thuốc như Digoxin, Theophyline	≥ 1x5ml	Lọ	12	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DÙNG CHO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG A25 (Biosystems) VÀ MÁY SINH HÓA BIOLIS 30I
27	Control P (Mức cao)	Huyết thanh mẫu dùng làm nội kiểm chuẩn mức 2 được điều chế từ huyết thanh người ổn định hóa và đông khô. Có giá trị đo cho các xét nghiệm hóa sinh so màu, bộ mỡ(bao gồm HDL/LDL/TG/TC), CK/CKMB; chất vi lượng (Calcium, Sắt, Liti, Magie, Phospho, Na, Kẽm, Clo, Đồng, Kali,..); Bộ gan mật (AST; ALT; LDH; GGT; ALP; Direct Bilirubin; Total Bilirubin); thận (URE; Creatinine); Amylase (Total. Tuy); Total Protein; Albumin; TBA; UIBC và một số theo dõi thuốc như Digoxin, Theophyline	≥ 1x5ml	Lọ	12	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DÙNG CHO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG A25 (Biosystems) VÀ MÁY SINH HÓA BIOLIS 30I
28	Calib (Hiệu chuẩn)	Chất hiệu chuẩn các xét nghiệm sinh hóa thường quy: ACP, ACP-NPP, ALB, ALD, ALP, ALT/ALAT/GPT, AMY, AMY-P, AST/ASAT/GOT, BIL-D, BIL-T, Ca, CHE, CHOL, CK, Cl, CREA, Fe, GGT, GLUC, HBDH, HDL-C, LACT, LDH P-L, LDL-C, Li, LPS, Mg, PHOS, PL, TG, TP, UA, UREA;	≥ 4x3mL	Hộp	6	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DÙNG CHO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG A25 (Biosystems) VÀ MÁY SINH HÓA BIOLIS 30I

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa báo giá	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
29	Glucose	"Hóa chất xét nghiệm Định lượng Glucose (Hexokinase); phương pháp đo HK/G6D-PH Method; Hạn sử dụng 12 tháng; dải đo 0.02 - 66.6 mmol/L; Thành phần thuốc thử Thuốc thử 1: nicotinamide adenine dinucleotide phosphate (NADP), Adenosine Triphosphate (ATP) Thuốc thử R-2: Magnesium Sulfate (MgSO4), Hexokinase (HK), Glucose-6-phosphate dehydrogenase (G6PDH); Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016"	≥ Hộp 3x90mL + Hộp 3x30mL	Hộp	10	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DỪNG CHO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG A25 (Biosystems) VÀ MÁY SINH HÓA BIOLIS 30I
30	Asat (GOT)	Hóa chất xét nghiệm Định lượng AST/GOT; phương pháp đo JSCC; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 5~1000 U/L; Thành phần thuốc thử R1: L-Aspartic acid; NADH; malate dehydrogenase (MDH) R2: α-ketoglutaric acid; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016	≥ Hộp 3x90mL + Hộp 3x30mL	Hộp	8	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DỪNG CHO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG A25 (Biosystems) VÀ MÁY SINH HÓA BIOLIS 30I
31	Alat (GPT)	Hóa chất xét nghiệm Định lượng ALT/GPT; phương pháp đo JSCC; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 3~1,000 U/L; Thành phần thuốc thử R1: L-alanine, NADH, Lactate dehydrogenase R2: L-alanine; α-ketoglutaric acid; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016	≥ Hộp 3x90mL + Hộp 3x30mL	Hộp	8	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DỪNG CHO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG A25 (Biosystems) VÀ MÁY SINH HÓA BIOLIS 30I
32	Acid Uric	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Acid uric; phương pháp đo Uricase/POD; Hạn sử dụng 24 tháng; dải đo 5.95 - 5950 μmol/L; Thành phần thuốc thử R1: N-(2—hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5- dimethylanilin sodium (HDAOS); Ascorbate oxidase (AOD); Peroxidase R2: Uricase; Peroxidase (POD); 4-Aminoantipyrine (4-AA); Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016	≥ Hộp 3x90mL + Hộp 3x30mL	Hộp	8	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DỪNG CHO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG A25 (Biosystems) VÀ MÁY SINH HÓA BIOLIS 30I
33	Cholesterol	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Cholesterol; phương pháp đo CHOD/POD; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 0.08 - 20.72 mmol/L; Thành phần thuốc thử R1: Peroxidase (POD), N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline sodium salt (HDAOS), Ascorbate Oxidase (AOD), Lipoprotein lipase (LPL) R2: Cholesterol oxidase (CHOD), Peroxidase (POD), 4-Aminoantipyrine (4-AA); Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016	≥ Hộp 3x90mL + Hộp 3x30mL	Hộp	10	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DỪNG CHO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG A25 (Biosystems) VÀ MÁY SINH HÓA BIOLIS 30I
34	Giếng mẫu thành phần Sample cup 2ml	Vật liệu: Nhựa methacrylate	≥ 1000 cái/ túi	Túi	1.000	Cốc đựng mẫu.Vật tư thay thế cho máy sinh hóa A25 (Biosystems)
35	Reaction Rotor	Vật liệu: Nhựa methacrylate	≥ 10 cái/ hộp	Hộp	5	Roto phản ứng.Vật tư thay thế cho máy sinh hóa A25 (Biosystems)
36	Bóng đèn Halogen 12V/20W hoặc 6V/10W	Bóng đèn halogen 12V/20W	≥ 1 cái	Cái	1	Bóng đèn.Vật tư thay thế cho máy sinh hóa A25 (Biosystems)
37	Bóng đèn 12V/ 20W (dùng cho máy Biolis - 30i) Halogen lamp	Bóng đèn Halogen 12V20W	≥ 1 cái	Cái	2	Bóng đèn Halogen 12V20W, vật tư thay thế cho máy xét nghiệm sinh hóa BIOLIS 30I
38	Cuvette dùng cho máy sinh hoá Biolis - 30i	Cuvettes loại 8U. Hộp 60 cái. (Phụ kiện máy XNSH SK300)	≥ 60 Cái/hộp	Cái	1	Cuvette dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá BIOLIS 30I . Thành phần: PMP. Optical path length: 8m

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa báo giá	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
39	Cốc đựng mẫu bệnh phẩm Sample cup 2ml	Dùng đựng mẫu huyết thanh, huyết tương	≥ Gói 500 cái	Cái	2.000	Cốc đựng mẫu. Vật tư thay thế cho máy sinh hóa BIOLIS 301 .
40	Ống Nghiệm Serum HTM 5ml	Ống nghiệm Serum 2ml	≥ Hộp/ 100 ống	Ống	1.000	Ống nghiệm dùng để tách huyết thanh
41	Tuýp (Tube) đựng huyết thanh Cryo 1,5ml HTM	Được làm từ nhựa PP trong suốt, có nắp an toàn để tránh tình trạng xuất hiện khe hở, với các nút gờ thể hiện dung tích được làm mờ Thể tích: 1.5ml	≥ Gói 500 cái	Cái	500	Tube để lưu trữ mẫu huyết thanh
42	Đầu côn xanh	Chất liệu: nhựa , các sản phẩm đầu col phù hợp với hầu hết tất cả các loại pipet. Kích thước: 0-1000ul	≥ Gói 500 cái	Cái	1.500	Dùng để hút mẫu gắn vào pipet
43	Đầu côn vàng	Chất liệu: nhựa , các sản phẩm đầu col phù hợp với hầu hết tất cả các loại pipet. Kích thước: dung tích 200 µl.	≥ Gói 1000 cái	Cái	1.500	Dùng để hút mẫu gắn vào pipet
44	Kim chích máu(Blood Lancet)	Công dụng: Kim chích lấy máu bệnh nhân. Tiện dụng, đơn giản, sản xuất từ thép không gỉ, đầu mũi kim được vát nhọn, đập gân tăng cứng với công nghệ sản xuất hiện đại.	≥ Hộp 200 cái	Cái	1.000	Dùng để lấy máu mao mạch
45	Microshield 2% 500ml	Chlorhexidine Digluconate 2% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7, ...) vừa đủ 100%.	≥ Chai 500 ml	Chai	5	Hóa chất khác
46	Dung dịch sát khuẩn tay	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 80% (v/v); Isopropyl alcohol (Isopropanol) 7.2% (v/v) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alpha-Terpineol, Alpha-Bisabolol, Aloe Vera, Vitamin E...) vừa đủ 100%.	≥ Chai 500ml	Chai	10	Hóa chất khác
47	Presep 2,5g	Tác dụng: Khử trùng chất thải y tế(máu, dịch và các chất thải nhiễm khuẩn ... trên dụng cụ y tế và bề mặt môi trường), khử khuẩn dụng cụ và thiết bị y tế, khử khuẩn bề mặt tường sàn, môi trường y tế.	≥ Hộp 100 viên	Viên	1.000	Hóa chất khác
48	Aniosyme	-Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ hoạt tính enzyme - Tương thích với nhiều loại dụng cụ	≥ Can 5L	Can	1	Hóa chất khác
49	Bộ nhuộm đậm	Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbon Fuchsin, Alcohol acid và Methylen Blue.	≥ Hộp 3x100ml	Bộ	1	Hóa chất khác
50	Dung dịch Giemsa	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa	≥ Chai 500ml	Chai	1	Hóa chất khác

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa báo giá	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
51	Test Dengue IgG/IgM	Định tính phát hiện các kháng thể kháng vi rút Dengue(IgG/IgM). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Vạch IgG: Độ nhạy tương quan: 97.3%, Độ đặc hiệu tương quan: 99.3% - Vạch IgM: Độ nhạy tương quan: 96.9%, Độ đặc hiệu tương quan: 98.9% 1. Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp vàng kháng nguyên vỏ dengue tái tổ hợp (cộng hợp dengue) và cộng hợp vàng kháng thể kiểm soát. 2. Một màng nitrocellulose chứa 2 vạch kết quả (vạch G và vạch M) và một vạch chứng (C). Vạch G phủ sẵn kháng thể để phát hiện kháng thể IgG kháng vi rút dengue, vạch M phủ sẵn kháng thể để phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút dengue và vạch chứng C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát. - Không phản ứng chéo với mẫu phẩm HAV, HBV, HCV, HIV, H.pylori... - Bảo quản nhiệt độ thường	≥ 30 Test/Hộp	Test	1.300	Sinh phẩm chẩn đoán In vitro
52	Test Dengue Ns1	Phát hiện kháng nguyên Vius Dengue Ag(Ns1) Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Ngưỡng phát hiện: 0,25 ng/ml - Độ nhạy tương quan: 100% Độ đặc hiệu tương quan: 99.6%,Độ chính xác tương quan: 99,7% Khay thử bao gồm: 1. Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp kháng thể kháng kháng nguyên dengue NS1 (cộng hợp dengue Ab) và một cộng hợp kháng thể để kiểm chứng. 2. Một màng bằng hợp chất nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T phủ sẵn kháng thể kháng kháng nguyên dengue NS1 và vạch chứng C được phủ sẵn một kháng thể kiểm chứng. - Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Malaria, HIV, HCV, HAV, HBV, TB.... - Bảo quản ở nhiệt độ thường	≥ 30 Test/Hộp	Test	3.000	Sinh phẩm chẩn đoán In vitro

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa báo giá	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
53	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên HBsAg	Định tính phát hiện kháng nguyên viêm gan B - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương Que thử bao gồm: 1. Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp kháng thể chuột kháng HBsAg với hạt vàng (cộng hợp kháng thể kháng HBsAg) và cộng hợp kháng thể kiểm soát với hạt vàng. 2. Một màng nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T được phủ sẵn kháng thể HBsAg, Vạch C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát. Độ nhạy tương quan: 100% Độ đặc hiệu tương quan: 100% Độ chính xác tương quan: 100% Ngưỡng phát hiện: 1ng/mL Không phản ứng chéo: Dengue, HAV, HCV, H. pylori, TB, Syphilis, ANA, HAMA, RF (đến 2500 IU/mL)	≥ 50 Test/Hộp	Test	1.000	Sinh phẩm chẩn đoán In vitro
54	Test HCV	Định tính phát hiện kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng virus viêm gan C - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương Que thử bao gồm: 1. Vùng cộng hợp có màu đỏ tía chứa kháng nguyên HCV tái tổ hợp (lõi, NS3, NS4 và NS5) cộng hợp với keo vàng (cộng hợp HCV Ag) và kháng thể kiểm soát cộng hợp với keo vàng. 2. Một màng nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). - Vạch T được phủ sẵn kháng nguyên HCV tái tổ hợp (lõi, NS3, NS4 và NS5) - Vạch C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát. Độ nhạy tương quan: 98.7%; Độ đặc hiệu tương quan: 99.6%; Độ chính xác tương quan: 99.3% Ngưỡng phát hiện: s/co >= 1	≥ 50 Test/Hộp	Test	500	Sinh phẩm chẩn đoán In vitro
55	Test nhanh chuẩn đoán HIV	Phát hiện sự có mặt của các kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: 99.59% - Độ đặc hiệu: 99.87% - Độ chính xác: 99.84% - Bảo quản ở nhiệt độ thường	≥ Hộp 50 test	Test	500	Sinh phẩm chẩn đoán In vitro

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa báo giá	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
56	Test ma túy tổng hợp (5 trong 1)	Quick Test DOA Multi 5 Drug là dụng cụ xét nghiệm sắc ký miễn dịch định tính nhanh, phát hiện đồng thời các chất gây nghiện/chất chuyển hóa có trong nước tiểu khi nồng độ vượt ngưỡng đối với: Amphetamine (Ma túy tổng hợp): 500ng/ml; Marijuana (Cần sa - Bò đê): 50ng/ml; Morphine (Nhóm thuốc phiện): 300ng/ml; Codein (Nhóm thuốc phiện): 300ng/ml; Heroin (6-Monoacetylmorphine - Nhóm thuốc phiện): 10ng/ml. Độ nhạy: 99.8% Độ đặc hiệu: 99.6% Mẫu bệnh phẩm: Nước tiểu Đọc kết quả trong vòng 1-5 phút (Không đọc kết quả sau 10 phút)	≥ Hộp 15 test	Test	5.000	Sinh phẩm chẩn đoán In vitro
57	Test định lượng T3 trên máy Standard F	- Định lượng nồng độ T3 - thyroxin 3 trong mẫu huyết thanh - Thời gian đọc kết quả 15 phút. - Mẫu: huyết thanh - Bảo quản: từ 2-30 độ C - Hạn dùng 18 tháng kể từ ngày sản xuất. - Quy cách: Hộp 20 test - Là test thử theo máy Standard F200, F2400	≥ Hộp 20 test	Test	20	Sinh phẩm chẩn đoán In vitro
58	Test định lượng FT4 trên máy Standard F	- Định lượng nồng độ T4 - thyroxin 4 trong mẫu huyết thanh - Thời gian đọc kết quả 15 phút. - Mẫu: huyết thanh - Bảo quản: từ 2-30 độ C - Hạn dùng 18 tháng kể từ ngày sản xuất - Là test thử theo máy Standard F200, F2400	≥ Hộp 20 test	Test	20	Sinh phẩm chẩn đoán In vitro
59	Test định lượng TSH trên máy Standard F	- Định lượng nồng độ TSH trong mẫu huyết thanh, - Thời gian đọc kết quả 15 phút. - Mẫu: huyết thanh - Bảo quản: từ 2-30 độ C - Hạn dùng 18 tháng kể từ ngày sản xuất - Quy cách: Hộp 20 test - Là test thử theo máy Standard F200, F2400	≥ Hộp 20 test	Test	20	Sinh phẩm chẩn đoán In vitro
60	Test định lượng HbA1c trên máy Standard F	Định lượng HbA1c. Mẫu: Máu toàn phần. Bảo quản: từ 2-30 độ C Hạn dùng 18 tháng kể từ ngày sản xuất. - Là test thử theo máy Standard F200, F2400	≥ Hộp 20 test	Test	20	Sinh phẩm chẩn đoán In vitro
61	Test định lượng CRP trên máy Standard F	- Định lượng CRP trong các mẫu máu. - Thời gian đọc kết quả 3 phút. - Mẫu: Máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương - Bảo quản: từ 2-30 độ C - Hạn dùng 18 tháng kể từ ngày sản xuất - Là test thử theo máy Standard F200, F2400	≥ Hộp 20 test	Test	20	Sinh phẩm chẩn đoán In vitro
62	Anti A	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu được sử dụng để phát hiện nhóm máu A trong mẫu máu người.	≥ Lọ/10mL	Lọ	5	Sinh phẩm chẩn đoán In vitro

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa báo giá	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
63	Anti B	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu được sử dụng để phát hiện nhóm máu B trong mẫu máu người.	≥ Lọ/10mL	Lọ	5	Sinh phẩm chẩn đoán In vitro
64	Anti D(Rh)	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên D trong mẫu máu người.	≥ Lọ/10mL	Lọ	5	Sinh phẩm chẩn đoán In vitro
Tổng cộng: 64 Danh mục						